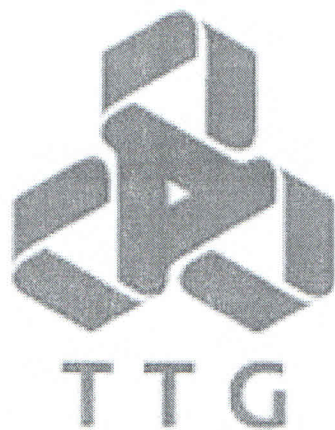


ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THANH TRÌ



ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Hà Nội, năm 2017

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	1
ĐIỀU KHOẢN CHUNG	1
ĐIỀU 1 : GIẢI THÍCH TỪ NGỮ.	1
ĐIỀU 2 : TÊN GỌI, TRỤ SỞ VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	2
ĐIỀU 3 : HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN.	2
ĐIỀU 4: MỤC TIÊU, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	3
ĐIỀU 5: THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG	7
ĐIỀU 6: NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG	7
ĐIỀU 7: TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI TRONG CÔNG TY.....	8
CHƯƠNG II.....	8
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG.....	8
ĐIỀU 8: VỐN ĐIỀU LỆ.	8
ĐIỀU 9: NGƯỜI ĐẠI DIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CHỦ SỞ HỮU.	9
ĐIỀU 10: CÁC LOẠI CỔ PHẦN.	10
ĐIỀU 11: QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG.	10
ĐIỀU 12: NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG.....	12
ĐIỀU 13: CỔ PHIẾU.....	13
ĐIỀU 14 : SỐ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG.	14
ĐIỀU 15 : CHÀO BÁN VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN.....	15
ĐIỀU 16: THỪA KẾ CỔ PHẦN.	17
ĐIỀU 17: PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU.	17
ĐIỀU 18: MUA CỔ PHẦN, TRÁI PHIẾU.....	18
ĐIỀU 19: MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG.	18
ĐIỀU 20: MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY.....	18
ĐIỀU 21: ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN VÀ XỬ LÝ CÁC CỔ PHẦN ĐƯỢC MUA LẠI.	19
ĐIỀU 22: TRẢ CỔ TỨC.....	19
ĐIỀU 23: THU HỒI TIỀN THANH TOÁN CỔ PHẦN MUA LẠI HOẶC CỔ TỨC.....	21
CHƯƠNG III	21
CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	21
ĐIỀU 24: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY.....	21
ĐIỀU 25 ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	21
ĐIỀU 26: THẨM QUYỀN TRIỆU TẬP HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.	22



ĐIỀU 27: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.	24
ĐIỀU 28: CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	25
ĐIỀU 29: MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.	25
ĐIỀU 30: QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.	26
ĐIỀU 31: ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	27
ĐIỀU 32: THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	27
ĐIỀU 33: THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	29
ĐIỀU 34: THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.	30
ĐIỀU 35: BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.	32
ĐIỀU 36: YÊU CẦU HUỖ BỎ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	33
ĐIỀU 37: HIỆU LỰC CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	33
ĐIỀU 38: QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	34
ĐIỀU 39: NHIỆM KỶ VÀ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.	35
ĐIỀU 40: TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.	36
ĐIỀU 41: CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.	36
ĐIỀU 42: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	37
ĐIỀU 43: BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.	39
ĐIỀU 44: QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA THÀNH VIÊN HĐQT.	39
ĐIỀU 45: MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT.	40
ĐIỀU 46: GIÁM ĐỐC CÔNG TY.....	40
ĐIỀU 47: THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, GIÁM ĐỐC.	42
ĐIỀU 48: CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN.	42
ĐIỀU 49: TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY.	43
ĐIỀU 50: HỌP ĐỒNG, GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG HOẶC HĐQT CHẤP THUẬN.....	44
CHƯƠNG IV.....	45
BAN KIỂM SOÁT.....	45
ĐIỀU 51: CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	45
ĐIỀU 52: TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA KIỂM SOÁT VIÊN.	45
ĐIỀU 53: QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA KIỂM SOÁT VIÊN.....	46
ĐIỀU 54: QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA BAN KIỂM SOÁT.	47
ĐIỀU 55: TIỀN LƯƠNG VÀ QUYỀN LỢI KHÁC CỦA KIỂM SOÁT VIÊN.....	47
ĐIỀU 56: TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM SOÁT VIÊN.	48
ĐIỀU 57: MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN.....	48
CHƯƠNG V.....	49

LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG.....	49
ĐIỀU 58: LAO ĐỘNG VÀ TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG.	49
ĐIỀU 59: TIỀN LƯƠNG.....	49
ĐIỀU 60: QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG.....	49
CHƯƠNG VI.....	50
TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	50
ĐIỀU 61: NĂM TÀI CHÍNH.....	50
ĐIỀU 62: QUYẾT TOÁN VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH.....	50
ĐIỀU 63: THỂ LỆ KẾ TOÁN.	50
ĐIỀU 64: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	50
ĐIỀU 65: PHÂN CHIA LỢI TỨC CỔ PHẦN.....	50
CHƯƠNG VII.....	51
GIẢI THỂ, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN.....	51
ĐIỀU 66: GIẢI THỂ.....	51
ĐIỀU 67: THANH LÝ TÀI SẢN KHI CÔNG TY GIẢI THỂ.....	51
ĐIỀU 68: PHÁ SẢN.....	51
CHƯƠNG VIII.....	52
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC.....	52
ĐIỀU 69: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	52
ĐIỀU 70 : CON DẤU.....	52
ĐIỀU 71: TUÂN THỦ PHÁP LUẬT.....	52
ĐIỀU 72 : TRÌNH BÁO CÁO HÀNG NĂM.....	52
ĐIỀU 73 : CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN.....	53
ĐIỀU 74 : NGUYÊN TẮC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	53
ĐIỀU 75: HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ.....	54

The bottom of the page features four distinct blue ink signatures, likely representing the legal representatives of the company. The signatures are written in a cursive style and are positioned horizontally across the page.

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN MÂY THANH TRÌ

-----*

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ Luật Chứng khoán có hiệu lực ngày 01/01/2007; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán có hiệu lực ngày 01/7/2011 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13;

Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội cổ đông tham dự Công ty cổ phần May Thanh Trì đã nhất trí thông qua nội dung của bản Điều lệ và cùng cam kết thực hiện nghiêm chỉnh những quy định trong bản Điều lệ này;

Bản Điều lệ này chi phối toàn bộ những vấn đề về tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần May Thanh Trì;

CHƯƠNG I
ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ĐIỀU 1: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ.

Trừ trường hợp Pháp luật và Điều lệ Công ty có quy định khác, những từ ngữ sau đây được hiểu như sau :

1. Công ty: là **Công ty Cổ phần May Thanh Trì** ;
2. Vốn điều lệ: là vốn góp của các cổ đông đóng góp trong một thời hạn nhất định và được quy định tại Điều 8 Điều lệ này ;
3. Điều lệ Công ty: là Điều lệ Công ty Cổ phần May Thanh Trì ;
4. Luật Doanh nghiệp: là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXNCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 ;

Người đại diện theo pháp luật ký tên.

5. Pháp luật: là tất cả các văn bản pháp luật của Nhà nước được quy định tại Luật Ban hành các văn bản pháp luật (bao gồm cả văn bản pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chúng) ;

6. Cổ đông: là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít nhất 01 (một) cổ phần đã phát hành của Công ty và được ghi tên trong Sổ Đăng ký cổ đông của công ty ;

7. Người quản lý của Công ty: là Chủ tịch Hội đồng quản trị; Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc ;

8. Người quản lý khác: là Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát, Trưởng - Phó các phòng, ban nghiệp vụ;

9. Các đơn vị trực thuộc Công ty: Phân xưởng, Trung tâm, Cửa hàng, Văn phòng đại diện, Chi nhánh, đơn vị hạch toán phụ thuộc.

ĐIỀU 2 : TÊN GỌI, TRỤ SỞ VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Tên gọi:

- Tên Công ty bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THANH TRÌ**

- Tên Công ty bằng tiếng Anh : **THANH TRI GARMENT JOINT STOCK COMPANY**

- Tên Công ty viết tắt: **TTG.,JSC**



- Biểu tượng :

- Trụ sở chính, Địa chỉ: Lô 1 – CN3 Cụm công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại : (84-4) 38615551 Fax: (84-4) 38619953

- Email : info@hapro.com.vn Website : www.hapro.com.vn

2. Phạm vi hoạt động :

Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh trên phạm vi lãnh thổ nước Việt Nam, Công ty có thể mở Chi nhánh, Văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ Quốc tế.

ĐIỀU 3 : HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN.

1. Hình thức tổ chức:

Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt nam.

Công ty có vốn điều lệ thuộc sở hữu các cổ đông của Công ty, được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các

Người đại diện theo pháp luật ký tên.

khoản nợ bằng số vốn đó. Hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Tư cách pháp nhân:

Công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ tại Kho bạc nhà nước, các Ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản hiện hành của Nhà nước.

ĐIỀU 4: MỤC TIÊU, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

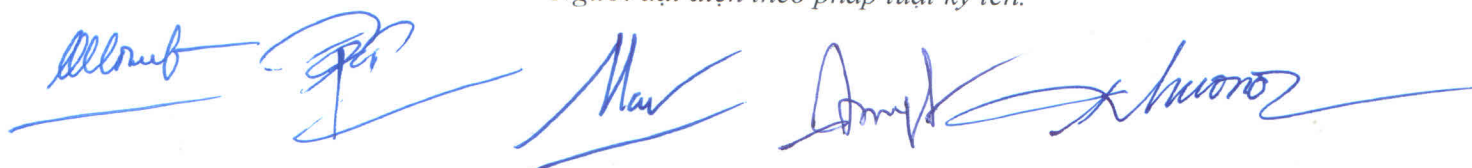
1. Mục tiêu:

Công ty được thành lập nhằm mục tiêu:

- Nâng cao giá trị doanh nghiệp.
- Không ngừng nâng cao lợi ích của Nhà nước, của Công ty, các cổ đông và người lao động.
- Tăng tích lũy và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Góp phần thiết thực vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của Thành phố và cả nước.

2. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sợi	1311
2	Sản xuất vải dệt thoi	1312
3	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
4	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
5	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
6	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
7	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
8	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
9	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
10	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
11	In ấn	1811
12	Dịch vụ liên quan đến in	1812
13	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
14	Sản xuất sợi nhân tạo	2030



15	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
16	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
17	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
18	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
19	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
20	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
21	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
22	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
23	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
24	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
25	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
26	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
27	Sửa chữa thiết bị điện	3314
28	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
29	Sửa chữa thiết bị khác	3319
30	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
31	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
32	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
33	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
34	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
35	Tái chế phế liệu	3830
36	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
37	Xây dựng nhà các loại	4100
38	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
39	Xây dựng công trình công ích	4220
40	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
41	Phá dỡ	4311
42	Lắp đặt hệ thống điện	4321
43	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
44	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
45	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
46	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
47	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

48	Bán buôn gạo	4631
49	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
50	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
51	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
52	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
53	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
54	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
55	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
56	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
57	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
58	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
59	Bán buôn tổng hợp	4690
60	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
61	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
62	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
63	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
64	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
65	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
66	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
67	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
68	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
69	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
70	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
71	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
72	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
73	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

74	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
75	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
76	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
77	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
78	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
79	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
80	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
81	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
82	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
83	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
84	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
85	Bốc xếp hàng hóa	5224
86	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
87	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
88	Cơ sở lưu trú khác	5590
89	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
90	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
91	Dịch vụ ăn uống khác	5629
92	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
93	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
94	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
95	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6329
96	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
97	Cho thuê xe có động cơ	7710
98	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
99	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
100	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
101	Cung ứng lao động tạm thời	7820
102	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
103	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110

104	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
105	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
106	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
107	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
108	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620

Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông công ty quyết định việc chuyển hay mở rộng các ngành nghề kinh doanh và đăng ký mã ngành theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 5: THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

1. Công ty chính thức hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ;
2. Thời hạn hoạt động của Công ty do Đại hội cổ đông quyết định và thực hiện theo Luật doanh nghiệp và các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước.

ĐIỀU 6: NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

1. Công ty tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật ;
2. Cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) ;
3. Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý Công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm ;
4. Ban kiểm soát là cơ quan kiểm soát hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm ;
5. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Hội đồng quản trị ;
6. Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc thuê, trực tiếp điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Người đại diện theo pháp luật ký tên.

ĐIỀU 7: TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI TRONG CÔNG TY.

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức đó phù hợp với quy định của pháp luật ;

2. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không gây cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội tại công ty; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

CHƯƠNG II VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 8: VỐN ĐIỀU LỆ.

1. Vốn Điều lệ của Công ty được góp bằng tiền Việt Nam hoặc tài sản hiện vật khác theo quy định của Pháp luật hiện hành và được hạch toán theo đơn vị tiền tệ thống nhất là Việt Nam đồng (VNĐ).

Tại ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là: **20.000.000.000 đồng** (Bằng chữ : **Hai mươi tỷ đồng**). Tổng số vốn điều lệ của công ty được chia thành 2.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Trong đó:

+ Công ty cổ phần tập đoàn HAPROSIMEX sở hữu 1.060.000 cổ phần , tương đương 10.600.000 000 (Mười tỷ sáu trăm triệu đồng , chiếm 53% vốn điều lệ của Công ty cổ phần may Thanh trì.

+ Vốn của các cổ đông khác 940.000 cổ phần , tương đương 9.400.000.000 (Chín tỷ bốn trăm triệu đồng , chiếm 47% vốn điều lệ của Công ty cổ phần may Thanh trì.

2. Sử dụng vốn Điều lệ: Vốn điều lệ chỉ được sử dụng vào mục đích kinh doanh, không được sử dụng vốn Điều lệ để chia cổ tức hoặc phân tán cho cổ đông ;

3. Điều chỉnh vốn Điều lệ: Vốn Điều lệ có thể được điều chỉnh (tăng hoặc giảm) theo nhu cầu sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty ;

Việc điều chỉnh vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật ký tên.



ĐIỀU 9: NGƯỜI ĐẠI DIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CHỦ SỞ HỮU.

1. Người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông Công ty là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh chủ sở hữu, thành viên, cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp ;

2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:

a) Tổ chức là thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có sở hữu ít nhất 35% vốn điều lệ có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện;

b) Tổ chức là cổ đông Công ty cổ phần có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 (ba) người đại diện ;

Trường hợp chủ sở hữu, thành viên, cổ đông Công ty là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể phần vốn góp, số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp chủ sở hữu, thành viên, cổ đông Công ty không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, phần vốn góp, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền ;

c) Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với công ty kể từ ngày công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông;

- Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần, phần vốn góp tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;

- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, Giấy Chứng minh nhân dân, Thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền;

- Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền;

- Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

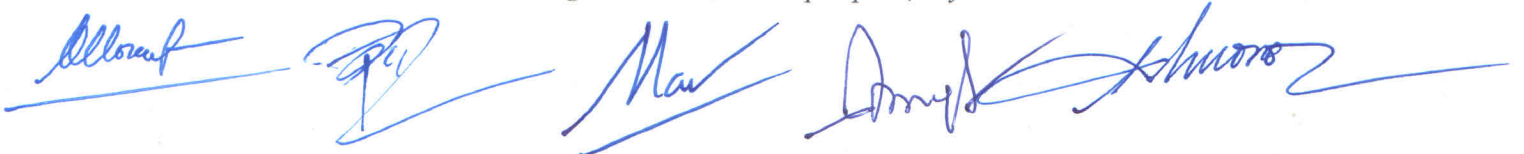
3. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp.

c) Thành viên, cổ đông là công ty có phần vốn góp hay cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ

Người đại diện theo pháp luật ký tên.



đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại công ty khác;

d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông là tổ chức:

a) Người đại diện theo ủy quyền nhân danh chủ sở hữu, thành viên, cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông tại Hội đồng thành viên, Đại hội cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mọi hạn chế của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông tương ứng tại Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba ;

b) Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông ủy quyền ;

c) Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu, thành viên, cổ đông ủy quyền do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này. Chủ sở hữu, thành viên, cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

ĐIỀU 10: CÁC LOẠI CỔ PHẦN.

1. Tất cả các loại cổ phần được phát hành lần đầu của Công ty đều là cổ phần phổ thông;

2. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

ĐIỀU 11: QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG.

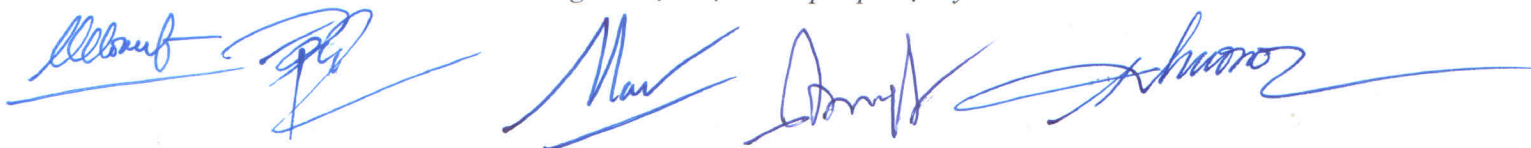
1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;

Người đại diện theo pháp luật ký tên.



d) Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 119 và Khoản 1 Điều 126 của Luật Doanh nghiệp;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty;

h) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có các quyền sau đây:

a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;

b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;

c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp;

d) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

đ) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội cổ đông phải được lập thành văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân, Thẻ Căn cước công dân,

Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;

c) Các yêu cầu khác quy định tại Điều lệ công ty.

4. Quy định về việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát quy định tại điểm a khoản 2 điều này được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cụ thể như sau:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 01 (một) ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;

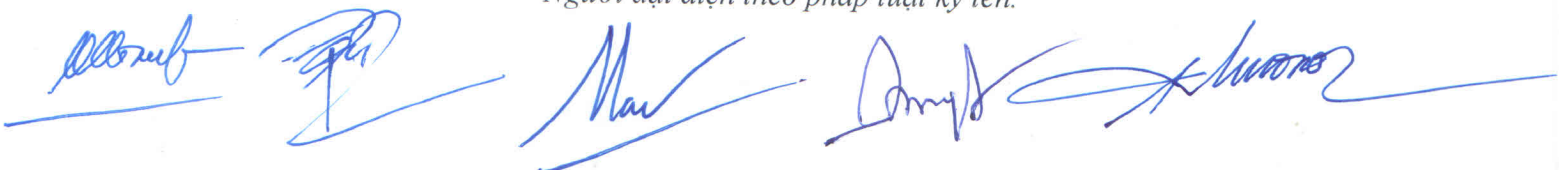
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 50% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

ĐIỀU 12: NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG.

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần đã cam kết mua theo quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Người đại diện theo pháp luật ký tên.



Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

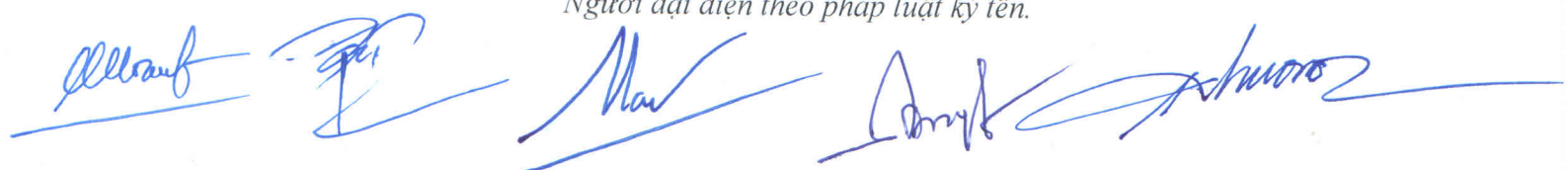
2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
3. Chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
5. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

ĐIỀU 13: CỔ PHIẾU.

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty Cổ phần May Thanh Trì phát hành có dấu của Công ty và chữ ký đại diện theo pháp luật của Công ty. Cổ phiếu có các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty ;
- b) Số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ;
- c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần
- d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu ;
- đ) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức ;
- e) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần ;
- f) Chữ ký mẫu của người đại diện theo Pháp luật và dấu của Công ty ;
- g) Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu ;

Người đại diện theo pháp luật ký tên.



2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra ;

3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông phải báo ngay cho Công ty và có quyền đề nghị Công ty cấp lại cổ phiếu đó. Cổ đông phải nộp lệ phí cấp lại cổ phần theo quy định của Công ty ;

Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:

a) Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ nộp Công ty để tiêu hủy theo quy định ;

b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới ;

Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên ba mươi triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

ĐIỀU 14 : SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG.

1. Sổ “Đăng ký cổ đông” được lập ngay sau khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ;

2. Sổ “Đăng ký cổ đông” được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung Sổ Đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty ;

3. Sổ Đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, trụ sở chính của Công ty ;

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại ;

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp ;

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức ;

đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

Người đại diện theo pháp luật ký tên.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

ĐIỀU 15 : CHÀO BÁN VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN.

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau:

a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập ;

b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty ;

c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh, trong trường hợp này số tiền chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết ;

d) Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do điều lệ Công ty quy định.

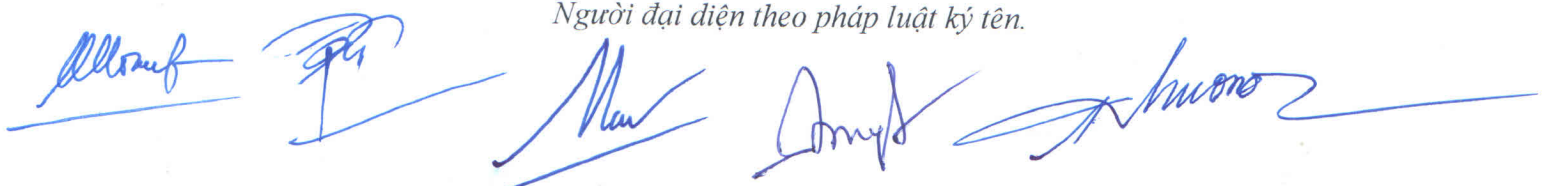
2. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần. Trường hợp Điều lệ Công ty có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng ;

3. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán (trường hợp Công ty tham gia sàn chứng khoán). Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán ;

4. Tất cả các cổ phiếu ghi danh và không ghi danh đều có thể được tự do chuyển nhượng. Cổ phiếu ghi danh của thành viên Hội đồng quản trị chỉ được chuyển nhượng cho người khác khi được Hội đồng quản trị phê chuẩn. Việc chuyển nhượng cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do Đại diện Chủ sở hữu nhà nước quy định theo pháp luật hiện hành.

Việc chuyển nhượng cổ phiếu đang niêm yết tại sàn giao dịch chứng khoán

Người đại diện theo pháp luật ký tên.



thực hiện theo quy định của sàn giao dịch và pháp luật hiện hành.

5. Trong trường hợp pháp luật cho phép, cổ đông có quyền bán một phần hoặc toàn bộ số cổ phiếu của mình cho cá nhân hoặc pháp nhân nước ngoài ;

6. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:

a) Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức đảm bảo đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo trong 03 (ba) số liên tiếp trong hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông báo ;

b) Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do Công ty phát hành ;

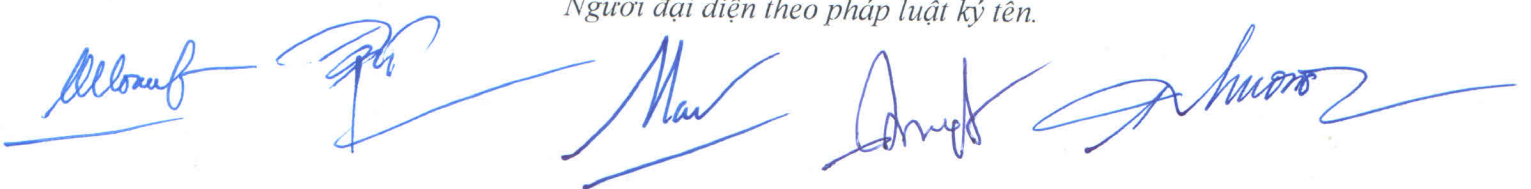
c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác ;

d) Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quyết định xử lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Trung tâm giao dịch chứng khoán.

7. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua được quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty ;

8. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, Công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu, trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty ;

Người đại diện theo pháp luật ký tên.



9. Việc chuyển nhượng cổ phần nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác.

ĐIỀU 16: THỪA KẾ CỔ PHẦN.

1. Trường hợp cổ đông qua đời, số cổ phần sở hữu của cổ đông đã mất được định đoạt theo quy định của pháp luật thừa kế. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật ;

2. Trường hợp cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức khác thực hiện chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách giải thể thì tổ chức hoặc pháp nhân mới kế thừa quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ phải gửi cho Hội đồng quản trị của Công ty các văn bản pháp lý về việc chuyển đổi đó và có văn bản cử người đại diện ;

3. Người kế thừa hợp pháp phải thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký để trở thành cổ đông mới, được hưởng mọi quyền lợi và phải thực hiện mọi nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế. Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cán bộ quản lý khác có quyền để lại di sản kế thừa là cổ phần, nhưng người được thừa kế quyền sở hữu cổ phần không được mặc nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng ;

4. Trường hợp cổ đông qua đời mà không có người thừa kế, thì cổ phần mà họ sở hữu sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật ;

5. Khi được quyền sở hữu hoặc kế thừa hợp pháp, cổ đông mới được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế thừa sau khi đã được ghi vào sổ đăng ký cổ đông.

ĐIỀU 17: PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU.

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty ;

2. Công ty không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

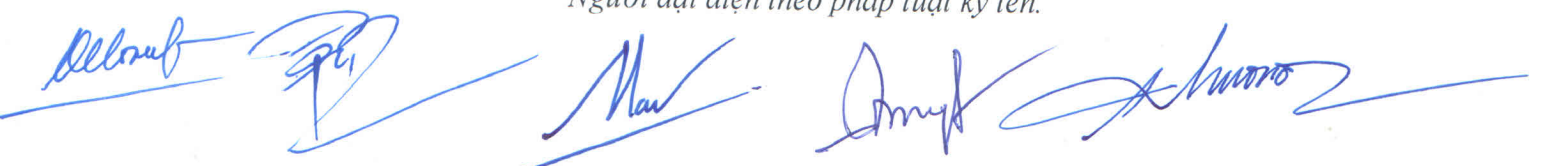
a) Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 (ba) năm liên tiếp trước đó ;

b) Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của 03 (ba) năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành ;

Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

3. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần

Người đại diện theo pháp luật ký tên.



nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu ;

4. Công ty có quyền phát hành chứng khoán các loại để huy động vốn theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 18: MUA CỔ PHẦN, TRÁI PHIẾU.

Cổ phần, trái phiếu của Công ty được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác phù hợp với quy định của Pháp luật và phải được thanh toán đủ một lần (theo giá thị trường từng thời điểm).

ĐIỀU 19: MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG.

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội cổ đông thông qua Quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này ;

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá, thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

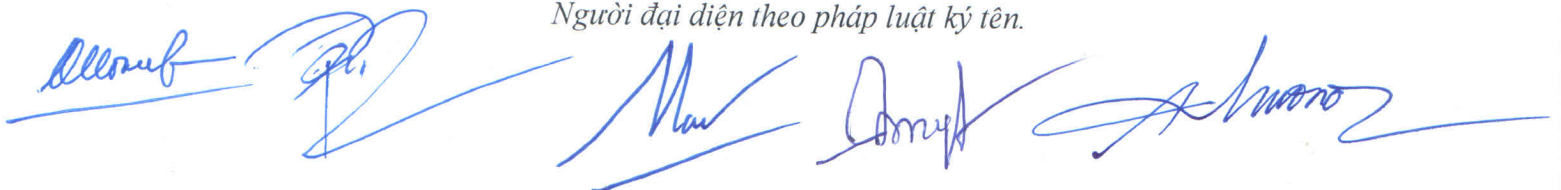
ĐIỀU 20: MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY.

1. Công ty có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo nguyên tắc việc mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại do Hội đồng quản trị quyết định; hơn 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại do Đại hội đồng cổ đông quyết định ;

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại ;

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở của Công ty, tổng số

Người đại diện theo pháp luật ký tên.



cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty ;

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi lời chào bán cổ phần của mình bằng phương thức đảm bảo đến được Công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức, số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc của người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

4. Việc mua lại cổ phần của Công ty chỉ được phép thực hiện nếu không ảnh hưởng đến việc thanh toán các công nợ của Công ty.

ĐIỀU 21: ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN VÀ XỬ LÝ CÁC CỔ PHẦN ĐƯỢC MUA LẠI.

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại các Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác ;

2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác ;

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty ;

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% (mười phần trăm) thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

ĐIỀU 22: TRẢ CỔ TỨC.

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi ;

Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã được thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của

Người đại diện theo pháp luật ký tên.

Công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

c) Ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

2. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác theo quy định tại Điều lệ Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông ;

3. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận được cổ tức, xác định mức cổ tức phải trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

a) Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của công ty;

b) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực hợp pháp của cổ đông là cá nhân;

c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;

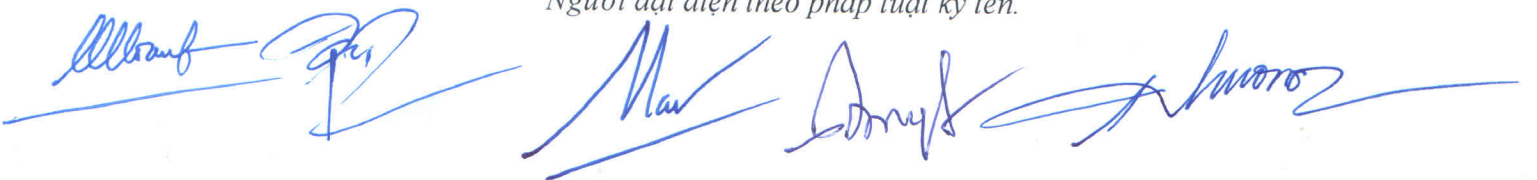
d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;

đ) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty ;

5. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các Điều 122, 123 và 124 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc



thanh toán cổ tức.

ĐIỀU 23: THU HỒI TIỀN THANH TOÁN CỔ PHẦN MUA LẠI HOẶC CỔ TỨC.

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 131 của Luật Doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG III CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

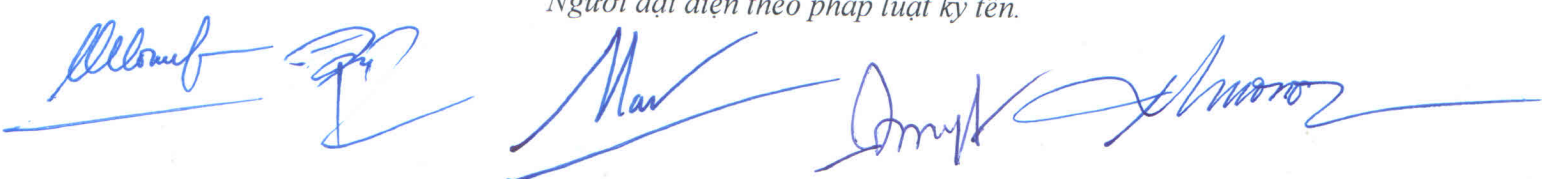
ĐIỀU 24: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY.

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị (HĐQT), gồm: Chủ tịch HĐQT và các Thành viên HĐQT;
3. Giám đốc, các Phó Giám đốc;
4. Kế toán trưởng;
5. Ban Kiểm soát;
6. Các phòng, ban nghiệp vụ;
7. Các đơn vị trực thuộc.

ĐIỀU 25 ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần ;
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm;
 - c) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình kinh doanh của Công ty, báo cáo đánh giá thực trạng công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d) Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát về quản lý, điều hành Công ty của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty;
 - đ) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào

Người đại diện theo pháp luật ký tên.



bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

e) Quyết định đầu tư các dự án, các hợp đồng, các giao dịch hoặc bán số tài sản cố định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

g) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

h) Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát. Quyết định tổng mức thù lao hàng năm cho các chức danh đó và ngân sách hoạt động hàng năm cho Ban Kiểm soát;

k) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông công ty;

l) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty theo quy định của pháp luật;

m) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

3. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật.

Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đều phải thông báo ngay bằng văn bản đến Công ty trong thời gian sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký doanh nghiệp của cổ đông ;

- Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty ;

- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, Thẻ Căn cước công dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp của người đại diện theo ủy quyền ;

- Số cổ phần được ủy quyền đại diện ;

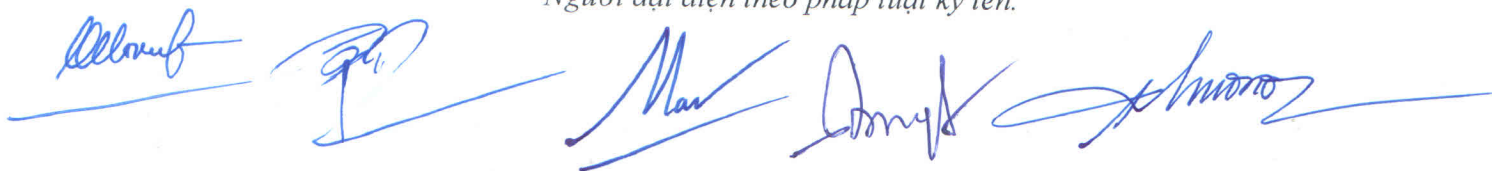
- Thời hạn đại diện theo ủy quyền ;

- Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

ĐIỀU 26: THẨM QUYỀN TRIỆU TẬP HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp

Người đại diện theo pháp luật ký tên.



thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải trên lãnh thổ Việt Nam do Hội đồng quản trị quyết định song phải đảm bảo cho các cổ đông được triệu tập họp có thể tham dự thuận lợi ;

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty ;
- b) Báo cáo tài chính hàng năm ;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị ;
- d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả sản xuất kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc ;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên ;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại ;
- g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

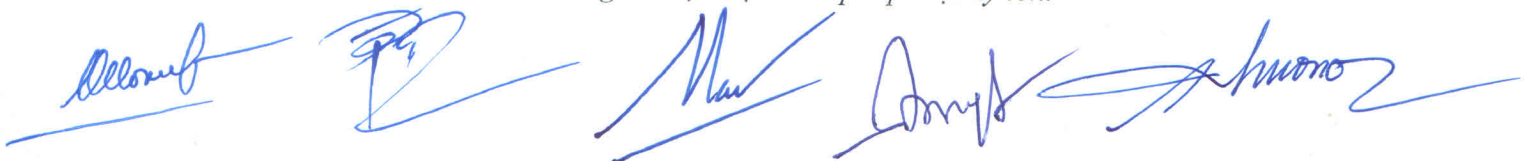
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty ;
- b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật ;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp ;
- d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát ;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d Khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty do việc trì hoãn triệu tập Đại hội cổ đông gây ra.

Người đại diện theo pháp luật ký tên.



5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp ;

6. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ ;

7. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

8. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5, 6 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

ĐIỀU 27: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 (năm) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông ;

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, Thẻ Căn cước công dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ

đồng của từng cổ đông ;

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

ĐIỀU 28: CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp ;

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được lập bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp ;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung ;

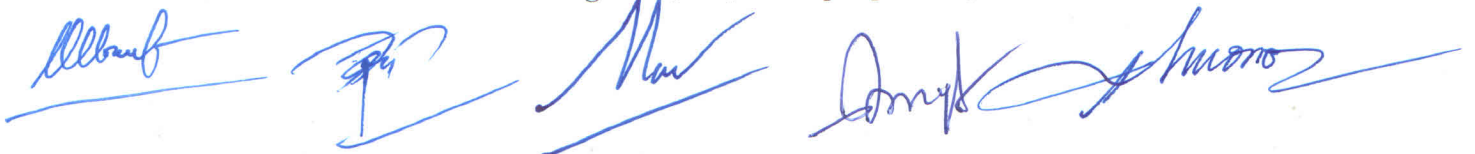
b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội cổ đông.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

ĐIỀU 29: MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày làm việc trước ngày khai mạc.

Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian và địa điểm họp và những yêu cầu khác



đối với người dự họp ;

2. Thông báo được gửi bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông ;

3. Thông báo mời họp phải gửi kèm các tài liệu sau đây:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Phiếu biểu quyết;

c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

4. Trường hợp công ty có trang tin điện tử, việc gửi tài liệu theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

ĐIỀU 30: QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

1. Cổ đông là cá nhân có đủ điều kiện tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp cổ đông là tổ chức không hoặc chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 3 Điều 25 của Điều lệ này thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp ;

b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp ;

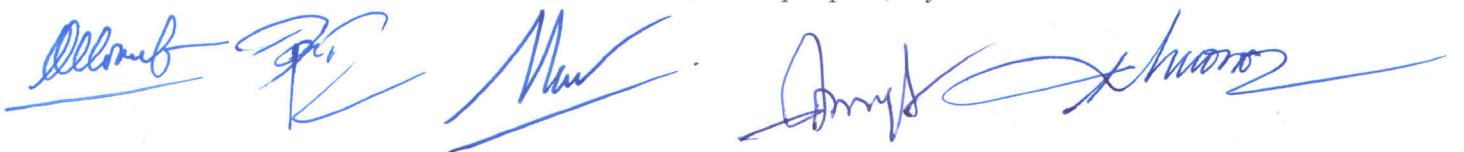
c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự ;

Người đại diện theo pháp luật ký tên.



b) Người ủy quyền đã chấm dứt việc ủy quyền.

4. Quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này chậm nhất 24 (hai mươi tư) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông ;

5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

ĐIỀU 31: ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết;

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết;

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp.

ĐIỀU 32: THẺ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau đây:

1. Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp;

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo

Người đại diện theo pháp luật ký tên.

nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu, số người trong Ban kiểm phiếu không quá 03 người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không bị ảnh hưởng;

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

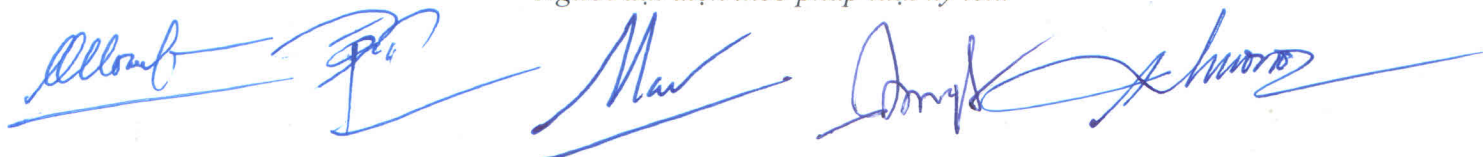
a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

Người đại diện theo pháp luật ký tên.



b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ động dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

ĐIỀU 33: THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;

b) Định hướng phát triển công ty;

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định,

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;

Người đại diện theo pháp luật ký tên.

